

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG/GENERAL TERMS AND CONDITIONS
(Đính kèm Hợp đồng dịch vụ/Attached with Service Agreement)

Số/No.1/CICT-DKC-2025

Có hiệu lực từ/Valid from: 01/01/2025.

I. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH/DEFINITIONS AND INTERPRETATIONS

Trong Các điều khoản chung này, các từ dưới đây có ý nghĩa như sau:

In these General Terms and Conditions, the below expressions shall have the following meanings:

“CICT” là Công ty TNHH CẢNG CÔNG-TEN-NƠ QUỐC TẾ CÁI LÂN .

“CICT” is Cai Lan International Container Terminal LLC.

“KHÁCH HÀNG” bao gồm các cá nhân, Công ty sử dụng dịch vụ và ký hợp đồng với CICT.

“CUSTOMER” are individuals and companies using CICT’s services and having signed a Service Agreement with CICT.

“CICT” và **“KHÁCH HÀNG”** được gọi riêng là **“Bên”** và gọi chung là **“Các bên”**.

“CICT” and “CUSTOMER” are individually referred to as the “Party” and collectively as “Parties”.

“Hợp đồng dịch vụ” (“Hợp đồng”) là thỏa thuận về dịch vụ cung cấp được ký kết hợp pháp giữa CICT và KHÁCH HÀNG.

“Service Agreement” (“Agreement”) is an agreement on service provision, legally signed between CICT and CUSTOMER.

II. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG/GENERAL TERMS AND CONDITIONS

Điều 1. Phạm vi công việc (áp dụng cho hàng nông sản)/Scope of work (applied for Agri-bulk cargo)

1.1. Nguyên tắc giao nhận/General delivery principles

- Giao nhận hàng hóa theo tình trạng thực tế của hàng hóa tại thời điểm giao nhận (nhận hàng theo tình trạng nào, giao hàng theo tình trạng đó).

Delivering cargo based on real-time status (Receiving cargo under any status, delivering cargo under that status).

- Giao nhận qua cầu cân của CICT: Xe phải cân bì trước khi vào nhận hàng, nhận xong qua cân để xác định lượng hàng thực nhận.

Delivering using weighbridge of CICT: The empty truck must be weighed before and after receiving cargo to determine the actual cargo receipt.

- Giao nhận qua cân treo của CICT: Hai bên cùng theo dõi, xác nhận số liệu, trọng lượng hàng hóa trên phần mềm tự động của cân treo tại cầu cảng.

Delivering using mobile scale of CICT: Both parties to follow up, confirm cargo quantity generated automatically using data from port’s mobile scale.

- Giao nhận qua mớn nước tàu biển: Căn cứ theo chứng thư giám định của đơn vị giám định do CICT chỉ định.

Delivering using vessel draft measurement: Based on the draft survey record of inspection company nominated by CICT.

- Phân chia hàng theo tỉ lệ căn cứ trên vận đơn: CICT nhận hàng từ tàu theo khối lượng ghi trên vận đơn hoặc theo khối lượng ghi trên biên bản mớn nước tàu biển sau đó giao lại cho KHÁCH HÀNG thông qua cầu cân điện tử hoặc cân treo của CICT hoặc theo mớn nước tàu biển.

Cargo distribution based on bill of lading: CICT receives cargo according to vessel’s draft/manifest, then delivers cargo to CUSTOMER using weighbridge or mobile scale of CICT or vessel draft measurement.

- Căn cứ số lượng hàng trên vận đơn và dựa vào giám định mớn nước tàu biển ban đầu, CICT sẽ giao cho KHÁCH HÀNG không quá 98% trên tổng lượng hàng theo vận đơn. Các trường hợp đặc biệt sẽ do hai bên thỏa thuận và CICT sẽ thông báo lại bằng email trước khi tàu đến.

Based on Bill of Lading and vessel initial draft, CICT shall deliver to CUSTOMER no more than 98% of total cargo in Bill of Lading. Special cases will be mutually discussed and notified by email before vessel arrival.

- Lượng hàng còn lại CICT giữ lại để phân chia tỷ lệ hao hụt cho toàn tàu trên cơ sở lượng hàng hao hụt thực tế và bảng phân chia sau khi kết thúc xếp dỡ tàu. Các trường hợp đặc biệt sẽ do hai bên thỏa thuận và thông báo bằng email trước mỗi chuyến tàu.

CICT retains the remaining volume of cargo to cover vessel's shortage based on the actual loss rate for the whole vessel and distribution table after vessel finished discharging. Special cases will be mutually discussed and notified by email before vessel arrival.

- Chênh lệch về lượng hàng hóa trên vận đơn với cầu cân/mớn nước do các chủ hàng chịu trách nhiệm và được CICT chia đều theo tỷ lệ ghi hàng trên vận đơn cho từng chủ hàng.

Discrepancy of quantity between Bill of Lading and draft survey/shore scale shall be under receiver's responsibility and be divided equally following Bill of Lading's ratio.

1.2. Dỡ hàng giảm tải/chuyển tải ngoài vùng neo/Discharging at anchorage.

- Trường hợp tàu buộc phải giảm tải ngoài vùng neo để đủ mớn nước cập cầu: CICT sẽ sắp xếp kế hoạch chuyển tải để đủ mớn nước tàu cập cầu giao cho các chủ hàng trong cầu. Toàn bộ chi phí phát sinh sẽ được phân bổ đều cho các chủ hàng theo tỷ lệ vận đơn và KHÁCH HÀNG có trách nhiệm thanh toán cho CICT sau khi kết thúc tàu.

In case the vessel needs to lighten to reach sufficient draft, CICT will lighten until vessel is qualified to call berth. All costs incurred will be divided equally to receivers according to Bill of Lading's ratio and CUSTOMER is responsible for payment to CICT after shipment completed.

- Trường hợp tàu đủ mớn nước vào cầu nhưng CICT chưa bố trí được cầu bến (do có các tàu khác đang làm hàng hoặc các nguyên nhân khách quan khác...) dẫn tới tàu phải chờ mà có chủ hàng đủ điều kiện đứng ra xin làm hàng tại vùng neo, CICT sẽ xem xét thực hiện dỡ hàng ngoài vùng neo cho chủ hàng đó theo hình thức cắt mớn tàu biển và/hoặc giao hàng về cảng nội địa lấy theo số liệu cân tại cảng nội địa với tỷ lệ hao hụt chịu chung toàn tàu, các chủ hàng còn lại mặc nhiên phải chấp thuận theo phương án này.

In case the vessel can call berth directly, but CICT is unable to arrange berth window (because there are other vessels being discharged or other objective causes) which lead to vessel delay, if there is any receiver qualified to receive cargo at anchorage using draft survey and/or delivery to inland port based on weight data at inland port, CICT will consider discharging cargo with shortage applied as normal practice and other receivers are bound to accept.

1.3. Năng suất giải phóng tàu/Productivity

- Trước mỗi chuyến tàu, CICT sẽ thông báo cho KHÁCH HÀNG năng suất giải phóng tàu cụ thể căn cứ vào tình hình thực tế (bao gồm nhưng không giới hạn về thông số kỹ thuật của tàu, sơ đồ xếp hàng, tổng số lượng hàng chở trên tàu). Đồng thời trong quá trình xếp dỡ, nếu có bất cứ thay đổi gì về năng suất giải phóng tàu, CICT cũng sẽ thông báo cho KHÁCH HÀNG bằng e-mail/fax.

Prior to each shipment, CICT shall announce to CUSTOMER the discharge productivity based on actual discharge scenario (including, but not limited to, the vessel's specification, vessel's classes, total quantity of cargo on vessel). During the discharging, CICT shall notify CUSTOMER by fax/email if there is any adjustment of productivity.

- Năng suất giải phóng tàu không tính vào thời gian do thời tiết hoặc các trường hợp bất khả kháng theo quy định theo Điều 6 dưới đây.

The discharge productivity shall not be impacted by delays caused by bad weather or force majeure events (specified in Article 6 below).

1.4. Lưu kho/Warehouse storage

a. Thời gian tính lưu kho/Calculation of storage time

Đối với hàng tàu khai thác bởi CICT: Hàng phần trăm giữ lại để phân chia thừa/thiếu; hàng giải phóng tàu (hàng đưa vào kho do KHÁCH HÀNG không đáp ứng đủ năng lực nhận hàng theo năng suất giải phóng đã được thông báo cho KHÁCH HÀNG trước khi làm hàng) sẽ được tính lưu kho kể từ ngày kết thúc việc dỡ từng loại hàng trên tàu. Trường hợp KHÁCH HÀNG rút hết hàng kho trong ngày kết thúc việc dỡ hàng trên tàu được tính là 1 ngày lưu kho.

To vessel operate by CICT CICT: Storage time of cargo held for redundancy/accrual; the released cargo (cargo put into warehouse due to CUSTOMER failed to meet discharge rate which CICT notified to CUSTOMER prior to handling) shall be counted from the date each type of commodity completed discharging. In case CUSTOMER receives cargo in warehouse at the final day of operation, storage time will be counted as one day.

Đối với hàng do KHÁCH HÀNG yêu cầu gửi vào kho sẽ được tính lưu kho kể từ ngày hàng hóa bắt đầu được đưa vào kho/Storage time of cargo requested to store in warehouse by CUSTOMER shall be counted from the date cargo put into warehouse.

b. Cách tính ngày lưu kho/Storage calculation

Số ngày lưu kho được tính từ ngày bắt đầu tính lưu kho đến ngày hàng hóa được cân chốt ra khỏi kho, theo công thức cộng (+)/trừ (-) toán học thực hiện trên bảng tính điện tử Excel cộng với 1 ngày.

The storage time is calculated from the starting date of storage calculation to the date cargo weighed out of CICT warehouse, according to the formula (+/-) on Excel plus 1 day.

c. Tỷ lệ hao hụt (áp dụng cho hàng lưu kho theo ngày)/Shrinkage (applied for daily storage cargo)

- Trong vòng 21 ngày đầu: Kho trong cảng: 0,25% và kho ngoài cảng: 0,30%. CICT sẽ đưa ra tỷ lệ hao hụt hợp lý với từng trường hợp hàng tổn thất.

First 21 days: On-dock warehouse: 0.25% and off-dock warehouse: 0.30%. CICT will determine a reasonable shrinkage rate for each case of damaged cargo.

- Từ ngày thứ 22 trở đi: CICT không chịu trách nhiệm tỷ lệ hao hụt và chất lượng hàng hóa.

From 22nd day onwards: CICT is excluded from liability relating to shrinkage and quality.

- Tỷ lệ hao hụt hàng hóa lưu kho được tính từ ngày bắt đầu tính lưu kho cho đến ngày rút hàng ra khỏi kho.

Shrinkage of cargo in storage will be counted from the starting date of storage calculation until the date cargo has been taken out of warehouse.

d. Thời hạn lưu kho/Storage

- KHÁCH HÀNG có trách nhiệm rút hết hàng ra khỏi kho của CICT trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc việc dỡ hàng trên tàu. Từ ngày thứ 31 trở đi, để đảm bảo diện tích kho tiếp nhận và giải phóng hàng cho các chuyến tàu tiếp theo, CICT có quyền và miễn trách khi thực hiện:

CUSTOMER is responsible for taking cargo out of CICT's warehouse within 30 days from the date vessel finished discharging. From 31st day onwards, to ensure the warehouse space for next shipments, CICT has the right and is excluded from liability to:

- ✓ Vun gom, đánh đồng số lượng hàng tồn vào lẫn với các tàu khác nếu cùng tên hàng hóa (ngô với ngô, lúa mì với lúa mì, khô đậu với khô đậu...).

Pilling and mixing cargo to the same kind of cargo (corn with corn, wheat with wheat, sbm with sbm) from other shipments.

- ✓ Đóng bao và xếp lưu tại kho/Bagging and storing in warehouse.

- ✓ Di dời sang kho khác để đảm bảo giải phóng các chuyến hàng tiếp theo.

Transferring to other warehouses to ensure storage space for next shipments.

- Toàn bộ các chi phí phát sinh như: đóng bao và xếp lưu kho, vận chuyển di dời... KHÁCH HÀNG có trách nhiệm thanh toán cho CICT theo đơn giá, biểu cước quy định.

All incurred costs such as consolidating, bagging or moving, ect will be paid by CUSTOMER based on CICT's tariff.

- Trường hợp lưu kho đến ngày thứ 60, KHÁCH HÀNG không nhận hết lượng hàng thì CICT sẽ được quyền xử lý lượng hàng trên (tiêu hủy hoặc thanh lý), CICT miễn mọi trách nhiệm liên quan đến lô hàng trên, kể cả việc khiếu kiện đối với việc xử lý lượng hàng này.

In case CUSTOMER does not receive all cargo in the first 60 days, CICT shall be entitled to handle the above cargo (destroyed or liquidated). CICT is excused from responsibility to above cargo including complaints if any.

- Trường hợp thanh lý: Sau khi CICT trừ các chi phí mà KHÁCH HÀNG sử dụng dịch vụ của CICT, số tiền còn thừa sẽ hoàn trả lại cho KHÁCH HÀNG. Trường hợp số tiền thanh lý không đủ bù chi phí, KHÁCH HÀNG có trách nhiệm trả số tiền còn thiếu cho CICT.

In case of liquidation: After CICT deducted service fees of CICT, the remaining amount will be refunded to CUSTOMER. In case the amount of liquidation is not enough to cover CICT's expenses, CUSTOMER is responsible for outstanding amount payable to CICT.

- Trường hợp tiêu hủy: KHÁCH HÀNG sẽ phải chịu mọi chi phí liên quan đến lô hàng (kể cả các chi phí tiêu hủy) tính từ ngày hàng được đưa vào kho CICT cho đến ngày tiêu hủy.

In case of destruction: CUSTOMER shall bear all costs related to above cargo (including destruction expenses) counted from the date of storing in CICT's warehouse until the date of destruction.

1.5. Hàng tồn kho sau hao hụt thực tế/Inventory after actual shrinkage:

- Đối với lượng hàng vào kho giữ lại căn cứ theo tỉ lệ hao hụt quy định (gọi là **Hàng tồn kho sau hao hụt thực tế**), CICT sẽ xem xét thời điểm thích hợp để tiến hành kiểm kê và xác định số lượng thực tế hàng hóa còn lại.

*Regarding the retained quantity of goods entering the warehouse based on the stipulated shrinkage rate (**The Inventory after actual shrinkage**), CICT will consider suitable time to conduct stocktaking and quantify the actual inventory.*

- Căn cứ vào tình hình thực tế và kế hoạch hoạt động của CICT, hàng tồn kho sau hao hụt thực tế sẽ được phân chia cho Khách hàng theo từng đợt bằng thông báo chính thức qua văn bản/email.

Based on actual plan of CICT, the inventory after actual shrinkage will be distributed to customer through instalments following official notice (letter/email).

KHÁCH HÀNG có trách nhiệm rút hết hàng được phân chia ra khỏi kho của CICT trong vòng 15 ngày. Từ ngày thứ 16 tới ngày thứ 30, để đảm bảo hoạt động khai thác, CICT có quyền và miễn trách khi thực hiện:

CUSTOMER is responsible for withdrawing cargo from CICT's warehouse within 15 days. From 16th to 30th day, to ensure the operation, CICT has the right and is excluded from liability to:

- ✓ Vun gom, đánh đồng số lượng hàng tồn vào lẫn với các tàu khác nếu cùng tên hàng hóa (ngô với ngô, lúa mì với lúa mì, khô đậu với khô đậu...).

Pilling and mixing cargo to the same kind of cargo (corn with corn, wheat with wheat, sbm with sbm, etc) from other shipments.

- ✓ Đóng bao và xếp lưu tại kho/Bagging and storing in warehouse.

- ✓ Di dời sang kho khác/Transferring to other warehouses.

- Từ ngày thứ 31 trở đi, CICT sẽ có toàn quyền xử lý lượng hàng trên (tiêu hủy hoặc thanh lý) và được miễn mọi trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ bồi thường, hoàn trả, hay truy đòi nào từ phía Khách hàng trong tương lai, bao gồm cả việc khiếu kiện đối với việc xử lý lượng hàng này.

From 31st day onward, CICT shall be entitled to handle the above cargo (destroyed or liquidated) and is excused from legal responsibility, obligation to compensate or refund to above cargo including complaints if any.

- Trường hợp KHÁCH HÀNG yêu cầu CICT giao hàng tồn kho sau hao hụt thực tế cho bên thứ ba, KHÁCH HÀNG có trách nhiệm gửi thông báo qua email cho CICT để làm căn cứ giao hàng, thanh quyết toán và

xuất hóa đơn với bên thứ ba. CICT sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm, nghĩa vụ nào đối với lượng hàng này khi đã được giao cho bên thứ 3.

In case Customer requests CICT to transfer the inventory after actual shrinkage to a third party, the Customer must notify CICT in writing via email, which will serve as the basis for delivery, settlement, and invoicing with the third party. CICT's obligations regarding said cargo shall cease once cargo was delivered to third party.

- Khách hàng có trách nhiệm thanh toán cho CICT các chi phí sau:

The Customer shall be responsible for paying CICT the following charges:

+ Chi phí bốc xếp từ kho/The discharge rate from Warehouse to Truck

+ Chi phí lưu kho: Thời gian bắt đầu tính phí lưu kho kể từ ngày CICT gửi thông báo phân chia hàng (qua văn bản/email)/Storage fees: calculated from the date which CICT send the Inventory Allocation Notice (by letter/email)

+ Các chi phí phát sinh khác (nếu có): Theo tình hình thực tế/Other incurred costs (if any): based on actual circumstances

- Đơn giá áp dụng : Theo đơn giá trong hợp đồng hoặc Biểu giá dịch vụ hiện hành của CICT.

Service rate: Rate applied per Service Tariff in The service agreement or the current CICT public tariff.

Điều 2. Thanh toán /Payment

Trường hợp chuyển tàu làm hàng giao giữa năm 2025 và 2026: Nếu tàu làm hàng trong năm 2025 sang năm 2026 mới kết thúc xếp dỡ, các chi phí xếp dỡ trực tiếp từ tàu/sà lan và các chi phí liên quan sẽ áp dụng theo đơn giá hợp đồng năm 2025. Riêng đối với hàng nông sản, chi phí liên quan đến kho sẽ áp dụng theo đơn giá hợp đồng 2026.

In case the vessel discharges accross 2025 and 2026: If vessel starts stevedoring in 2025 and finishes discharging in 2026, the stevedoring and related fee at berth will be applied as per contract 2025. For agri-bulk cargo, the charges related to warehousing will be applied as per contract 2026.

2.1. Căn cứ xác định sản lượng/The final settlement

- Hàng nông sản: Sản lượng dùng để tính phí được căn cứ theo phiếu cân do CICT phát hành/cung cấp và/hoặc chứng thư giám định mớn nước tàu biển do bên thứ ba độc lập cung cấp và/hoặc theo số liệu cân tại cảng nội địa do khách hàng cung cấp ngoại trừ tác nghiệp Tàu/Sà lan – Kho tính theo số liệu cân CICT/Bảng phân chia.

Agribulk: Volume shall be based on the weight slip issued or provided by CICT and/or draft survey certificate issued by independent surveyor and/or according to weighing data at the inland port provided by the customer other than the service Vessel/Barge – Warehouse shall be calculated by CICT weighing data/division table.

- Các hàng khác: Sản lượng dùng để tính phí được căn cứ vào chứng thư giám định mớn nước tàu biển do bên thứ ba độc lập cung cấp và/hoặc theo phiếu cân và bảng tổng hợp sản lượng theo từng ca làm hàng và/hoặc các phương thức khác để xác định sản lượng (nếu có). Căn cứ sẽ được hai bên thống nhất và ký xác nhận bằng văn bản.

Other commodities: Volume shall be based on the weight slip and/or draft survey certificate issued by independent surveyor and/or other methods to determine volume (if any). The basis will be confirmed before operation commences and will be clearly stated in the Minutes of Final Settlement.

2.2. Xác nhận quyết toán dịch vụ qua email/Confirm service settlement via email

- Các bên đồng ý việc xác nhận quyết toán dịch vụ sẽ được thực hiện qua phương thức email. Quyết toán dịch vụ xác nhận qua email sẽ có giá trị pháp lý tương đương với biên bản quyết toán ký, đóng dấu của đại diện hợp pháp của hai bên.

Both parties agree that the service settlement will be confirmed via email. Any service settlements sent via email will have the same legal validity as the settlement minutes signed and stamped by the legal representatives of both parties.

- Email của người đại diện được ủy quyền phải luôn được duy trì trong suốt thời gian hợp đồng có hiệu lực. Khi có sự thay đổi về thông tin xác nhận quyết toán (bao gồm thay đổi về email đăng ký hoặc người đại diện), đại diện của mỗi bên có trách nhiệm thông báo kịp thời cho bên còn lại bằng email hoặc văn bản chính thức. Thông báo này sẽ là căn cứ để thực hiện quyết toán các dịch vụ tiếp theo.

The email address of the authorized representative must be maintained throughout the term of the contract. In the event of a change in the settlement confirmation information (including changes in the registered email or representative), the representative of each party is responsible for promptly notifying the other party by email or written letter. This notification will serve as the basis for carrying out the settlement of subsequent services.

- Trường hợp KHÁCH HÀNG yêu cầu bổ sung các biên bản quyết toán dưới dạng văn bản, CICT đồng ý cung cấp theo yêu cầu của KHÁCH HÀNG nhằm hoàn thiện thủ tục quyết toán theo hợp đồng, tuy nhiên, các quyết toán này vẫn được xác nhận qua email.

In the event that the CUSTOMER requests written settlement minutes, CICT agrees to provide as requested by the CUSTOMER to complete the settlement procedures under the contract. However, the service settlements will still be confirmed via email.

2.3. Bộ chứng từ và hóa đơn của CICT bao gồm/Payment documents and invoice of CICT include:

- Bảng phân chia/Distribution table (áp dụng riêng cho hàng nông sản/for Agri-bulk cargo only)
- Biên bản kết toán tàu/kho/Vessel/Storage statement
- Biên bản quyết toán/Minutes of Final Settlement
- Email xác nhận quyết toán/Email of settlement
- Hóa đơn giá trị gia tăng/Value-Added Tax Invoice
- Các biên bản phát sinh (nếu có)/Other documentations (if any).

2.4. Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Payment method: Cash/Bank.

Điều 3. Trách nhiệm của các bên/Responsibilities.

3.1. Trách nhiệm của CICT/Responsibilities of CICT

A. Trách nhiệm chung/General responsibilities

- 3.1.1.** Bố trí cầu bến, thiết bị, phương tiện, nhân lực, công cụ để phục vụ làm hàng.
Arranging berth, equipment, transportation means, human resources, tools for operation.
- 3.1.2.** Tạo điều kiện cho cán bộ, phương tiện của KHÁCH HÀNG ra vào cảng thuận lợi. Hướng dẫn và phổ biến cho cán bộ, phương tiện của KHÁCH HÀNG ra vào cảng tuân thủ quy định, chỉ dẫn giao thông của cảng.
Facilitating CUSTOMER's personnel and means of transport to enter and exit the port conveniently, instructing CUSTOMER's officials to comply with the port's regulations and traffic guidance.
- 3.1.3.** Phối hợp với đại diện KHÁCH HÀNG giải quyết vấn đề phát sinh trong quá trình làm hàng.
Coordinating with CUSTOMER's representatives to solve problems arising during operation.
- 3.1.4.** Miễn trách nhiệm về tính pháp lý của hàng hóa và phương tiện vận chuyển hàng hóa.
Exemption from liability for the legality of cargoes and means of transport.
- 3.1.5.** Miễn trách nhiệm về tỷ lệ hao hụt và chất lượng hàng hóa.
Exemption from shortage rate and cargo's quality.
- 3.1.6.** Không chịu trách nhiệm cho những hao hụt, thay đổi về khối lượng, chất lượng hàng hóa gây ra bởi các điều kiện tự nhiên hoặc do bản chất của hàng hóa trong quá trình bốc xếp, vận chuyển, lưu bãi hàng hóa.

Exemption from liability for shortage of cargo quantity and quality caused by natural conditions or nature of cargo in the process of loading, transporting and storage of cargo.

- 3.1.7.** Ký xác nhận đầy đủ các biên bản chứng từ hợp lý, hợp lệ và phát hành hóa đơn tài chính cho KHÁCH HÀNG.

Signing all reasonable and valid documents and issuing invoices to CUSTOMER.

- 3.1.8.** Trong quá trình xếp dỡ hàng nếu phát hiện ra tình trạng hàng hóa hư hỏng, kém chất lượng (hàng bị tổn thất) như: Ẩm, ướt, mốc, thối, mối mọt, cháy, bao bị mục, cũ... CICT sẽ tiến hành lập biên bản và không chịu bất cứ trách nhiệm về số lượng hàng hóa này. Số lượng hàng hóa hư hỏng, kém chất lượng này sẽ được tính vào tổng số tấn hàng xếp dỡ và phân chia cho các chủ hàng đi chung tàu theo tỷ lệ vận đơn của từng chủ hàng.

During operation, if cargo is damaged and in poor quality such as being wet, musty, rot, burnt, etc, CICT shall file report and take no responsibility for these cargoes. The quantity of damaged cargo shall be included in the total quantity of cargo discharged and divided equally to receivers following bill of lading's ratio.

- 3.1.9.** CICT có quyền tạm dừng việc làm hàng trong trường hợp nhận thấy điều kiện thời tiết có thể gây ảnh hưởng đến quá trình khai thác. Nếu KHÁCH HÀNG vẫn yêu cầu làm hàng, CICT miễn trách và KHÁCH HÀNG có trách nhiệm chịu mọi tổn thất hàng hóa do thời tiết gây nên.

CICT obtains the right to suspend the operation in case of detecting weather signals that may affect to operation. If CUSTOMER insists to carry on, CICT will take no responsibility for damage of cargo caused by weather.

- 3.1.10.** Đảm bảo an toàn cho hàng hóa, phương tiện vận chuyển của KHÁCH HÀNG trong quá trình dỡ hàng. Nếu để xảy ra hư hỏng tổn thất thì CICT chịu trách nhiệm bồi thường tổn thất cho KHÁCH HÀNG theo giá trị tại thời điểm gây ra tổn thất (KHÁCH HÀNG phải chứng minh tổn thất do CICT gây ra bằng biên bản chứng từ hợp pháp, hợp lệ).

Ensuring the safety of cargo and transportation means of CUSTOMER during operation. If any damage is caused by CICT, CICT shall be responsible for compensating to CUSTOMER the value at the time of loss (CUSTOMER must provide legal and solid proofs).

- 3.1.11.** Trong trường hợp tàu phải tạm dừng làm hàng mà không phải do lỗi của CICT gây ra (trừ trường hợp bất khả kháng) thì sau 12 giờ CICT có quyền đưa tàu ra ngoài vùng neo chờ giải quyết, việc làm hàng sẽ được tiến hành trở lại sau khi đã có sự thống nhất giữa các bên liên quan, CICT sẽ miễn trách nhiệm đối với mọi chi phí phát sinh.

In case operation must be suspended without faults caused by CICT (except force majeure), CICT has the right to switch vessel to anchorage after 12 hours. The operation will be carried out after agreement between all concerned parties is made, and CICT takes no responsibility for additional costs incurred.

- 3.1.12.** Không chịu trách nhiệm đối với hàng hóa kể từ khi phương tiện vận chuyển của KHÁCH HÀNG đã nhận hàng qua mạn tàu (đối với hàng sà lan) và/hoặc đã nhận hàng lên phương tiện (đối với hàng nhận tại cầu tàu/kho cảng).

CICT takes no responsibility for any cargo after delivery to CUSTOMER's means of transport alongside (barges/trucks).

B. Trách nhiệm riêng theo từng loại mặt hàng/Responsibilities for each type of cargo

***) Đối với hàng nông sản/For Agri-bulk cargo.**

- 3.1.13.** Thay mặt chủ hàng tổ chức nhận hàng với tàu và giao lại cho KHÁCH HÀNG theo tỷ lệ vận đơn.
Receiving cargo directly from vessel, on behalf of the receivers, and delivering to CUSTOMER according to the bill of lading's ratio.

- 3.1.14.** Bố trí nhà kho để lưu hàng phần trăm. Đối với trường hợp KHÁCH HÀNG có nhu cầu gửi hàng vào kho, CICT sẽ căn cứ tình hình thực tế để tiếp nhận.

Arranging warehouse to store redistribution cargo. In case CUSTOMER has storage demand, CICT will consider based on the actual situation.

***) Đối với hàng viên gỗ nén/For Woodpellet cargo.**

- 3.1.15.** Trong quá trình làm hàng, CICT chịu trách nhiệm thu gom bao jumbo, tạp chất phát sinh trong quá trình cắt/tháo đáy bao trong hầm tàu, để tránh lẫn tạp chất vào hàng hóa trên tàu. Sau khi kết thúc làm hàng, CICT hỗ trợ KHÁCH HÀNG thu gom, vun đóng và bốc xúc viên nén gỗ rơi vãi trong quá trình làm hàng tại cầu tàu lên phương tiện cho KHÁCH HÀNG nhưng không chịu trách nhiệm về tình trạng của lượng hàng hóa rơi vãi này. Trong trường hợp CICT không bố trí được thiết bị/ nhân lực thực hiện, CICT sẽ thông báo cho KHÁCH HÀNG bằng điện thoại/email để KHÁCH HÀNG có phương án tự thu gom, bốc xúc lượng hàng rơi vãi này.

CICT is responsible for collecting jumbo bags, impurities from unpacking jumbo bags in vessel hold to avoid impurities mixed with cargo. After finishing the operation, CICT assists CUSTOMER in collecting spilled wood pellets at the wharf onto CUSTOMER's truck (CICT is not responsible for the condition of this amount of cargo). In case CICT cannot arrange equipment/manpower to carry out, CICT will notify CUSTOMER by phone/email to arrange equipment/manpower to collect.

***) Đối với Đại lý tàu/For Shipping agent:**

- 3.1.16.** Xác nhận bằng email/văn bản về việc có/không thể tiếp nhận tàu của KHÁCH HÀNG vào làm hàng tại cầu bến của CICT chậm nhất 24h trước thời điểm tàu dự kiến đến trạm hoa tiêu.

Confirm by email/text whether to receive the CUSTOMER's vessel at least 24 hours before the scheduled arrival time at the pilot station.

3.2. Trách nhiệm của KHÁCH HÀNG/Responsibility of CUSTOMER

A. Trách nhiệm chung/General responsibilities

- 3.2.1.** Đăng ký danh sách số lượng phương tiện, con người ra vào cảng làm hàng. Các phương tiện, con người của KHÁCH HÀNG vào cảng giao nhận hàng phải chịu sự giám sát, điều hành của CICT. Tuyệt đối không được có các hành vi gian lận trong quá trình giao nhận hàng hóa. Nếu CICT phát hiện ra các phương tiện, con người của KHÁCH HÀNG có các biểu hiện, hành vi gian lận trong giao nhận hàng hóa, CICT có quyền đơn phương dừng làm hàng và lập biên bản hiện trường. Mọi chi phí phát sinh sẽ do KHÁCH HÀNG chịu trách nhiệm chi trả.

Registering the list of means and personnel will enter port during operation, who is obliged to be under supervision of CICT. No fraudulent act is allowed. If CICT detects any sign of fraudulence of CUSTOMER's vehicles and personnel during cargo distribution, CICT may unilaterally stop delivering cargo and conduct a field record. All costs incurred will be borne by CUSTOMER.

- 3.2.2.** Chịu mọi trách nhiệm an toàn cho người và trang thiết bị của mình trong quá trình vận hành. Nếu xảy ra tổn thất, thiệt hại về máy móc, thiết bị và con người của KHÁCH HÀNG do KHÁCH HÀNG không tuân theo các quy định của CICT thì KHÁCH HÀNG hoàn toàn chịu trách nhiệm. KHÁCH HÀNG chịu mọi trách nhiệm nếu gây bất cứ tổn thất, hỏng hóc cho người, trang thiết bị của CICT trong quá trình làm hàng cũng như trong quá trình lưu trữ tại cảng.

Taking responsibility for safety of own personnel and equipment during operation. If any loss, damage to machinery, equipment and personnel of CUSTOMER caused by CUSTOMER failure to comply with regulations of CICT, all responsibilities are on CUSTOMER. CUSTOMER takes all responsibility if causing any loss or damage to CICT's personnel or equipment during stevedoring as well as storage at port.

- 3.2.3.** Chịu trách nhiệm về tính pháp lý của các loại phương tiện vận chuyển hàng hóa và hàng hóa xuất/nhập.

Taking responsibility for the legality of cargo and means of transport.

- 3.2.4.** KHÁCH HÀNG thông báo cho CICT về kế hoạch tàu ít nhất từ 07 ngày trước khi tàu đến; thông báo CICT số máng, phương thức làm hàng và sự thay đổi về lịch tàu (nếu có) ít nhất 48 giờ trước khi tàu

đến trạm hoa tiêu đầu tiên của cảng. Mọi sự thay đổi về kế hoạch tàu đến KHÁCH HÀNG phải báo cho CICT ít nhất từ 24 đến 36 giờ trước khi tàu đến trạm hoa tiêu đầu tiên của cảng.

Noticing CICT about vessel plan at least from 7 days prior to vessel arrival, quantity of gang, method of loading, and any change of vessel schedule (if any) at least 48 hours before the vessel reaches the first pilot station. Any change of vessel operation plan must be notified to CICT at least 24-36 hours before the vessel arrives at the port's first pilot station.

- 3.2.5.** Cung cấp cho CICT đầy đủ hàng, phương tiện giao hàng (nếu làm hàng xuất), phương tiện nhận hàng (nếu làm hàng nhập).

Providing adequate cargo, means of transport (for export) or means of transport (for import) to ensure continuous delivery, loading, and unloading during the handling process.

- 3.2.6.** Bố trí cán bộ kết hợp cùng CICT 24/7 để giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện. Ký các biên bản cần thiết và thanh toán đầy đủ kịp thời cho CICT.

Arranging personnel 24/7 to coordinate with CICT's representatives to solve problems arising during operation. Signing all necessary documents and making full payment for CICT.

- 3.2.7.** Cung cấp cho CICT đầy đủ các chứng từ, số liệu cần thiết và hợp lệ làm căn cứ xác định sản lượng hàng hóa theo từng tác nghiệp làm hàng đã phát sinh muộn nhất trong vòng 48 giờ kể từ khi kết thúc tàu để làm cơ sở quyết toán phí dịch vụ.

Provide CICT with all necessary and valid documents as a basis for determining the volume of each cargo handling operation method within 48 hours after finish the operation for service settlement.

- 3.2.8.** Cung cấp cho CICT các chứng từ hợp lý, hợp lệ theo yêu cầu của CICT. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản cước phí cho CICT.

Provide CICT with appropriate and valid documents as required by CICT. Pay in full and on time to CICT.

- 3.2.9.** Trường hợp CICT đã cấp lệnh cập cầu cho tàu của KHÁCH HÀNG cập cầu mà KHÁCH HÀNG đơn phương hủy kế hoạch và chuyển tàu sang cảng khác để khai thác thì KHÁCH HÀNG phải chịu phạt với số tiền bằng 8% tổng doanh thu phí dịch vụ dự tính của chuyến tàu đó. Giá trị tổng doanh thu dịch vụ dự tính trên cơ sở đơn giá hợp đồng và sản lượng dự kiến xếp dỡ (không áp dụng cho khách hàng Nông sản).

In case CICT has issued a berthing order for CUSTOMER's vessel however CUSTOMER unilaterally cancels the plan and directs vessel to other port, CUSTOMER shall be penalized an amount equal to 8% of the total estimated revenue of that shipment. The total estimated revenue is based on Agreement rate and the expected volume (except Agi-bulk customer).

- 3.2.10.** Trường hợp sử dụng cầu tàu/các thiết bị trên tàu để làm hàng, KHÁCH HÀNG và/hoặc chủ tàu phải cung cấp giấy kiểm định an toàn chất lượng của các thiết bị trên tàu. CICT có quyền từ chối làm hàng nếu thấy các thiết bị này không đảm bảo an toàn trong khai thác. Trường hợp xảy ra tổn thất trong quá trình khai thác do lỗi kỹ thuật của các thiết bị này thì KHÁCH HÀNG hoàn toàn chịu trách nhiệm.

In case of using ship crane/equipment on vessel for operation, CUSTOMER and/or the ship owner need to provide the certificate of quantity and safety of those equipment. CICT is entitled to stop operating if those equipments are not qualified. In case of damage during operation due to technical errors of these equipment, CUSTOMER shall take full responsibility.

- 3.2.11.** Nếu có yêu cầu cắt giảm máng làm hàng hoặc dừng làm hàng thì KHÁCH HÀNG phải thông báo cho CICT ít nhất trước 06 giờ. Trường hợp các máng làm hàng của CICT phải chờ do KHÁCH HÀNG không thông báo trước theo quy định trên khiến phát sinh thời gian chờ đợi trong quá trình làm hàng từ 02 giờ liên tục trở lên hoặc tổng thời gian chờ đợi từ 08 giờ/máng/ngày trở lên mà không do lỗi của CICT, KHÁCH HÀNG phải trả chi phí chờ đợi là 4.000.000 đồng/giờ/máng – chưa gồm VAT. Đơn vị tính tối thiểu là 01 giờ. Trên 01 giờ tính theo thời gian thực tế, thời gian phát sinh lẻ dưới 30 phút tính bằng 0,5 giờ, thời gian lẻ trên 30 phút tính bằng 01 giờ. (Không áp dụng cho khách hàng nông

sản).

If there is any requirement on reducing the number of gangs, CUSTOMER needs to notice CICT at least 6 hours in advance. In case delays generated by CUSTOMER's failure to provide prior notice in accordance with the above regulations, resulting in waiting time incur during operation for above 2 hours continuously or total waiting time is 8 hours/gang/day onward without faults of CICT. CUSTOMER must pay the suspending cost of 4,000,000 VND/hour/gang – exclusive of VAT. The minimum unit time is 1 hour. Over 1 hour based on actual time, fraction less than 30 minutes counted as ½ hour, more than 30 minutes counted as 1 hour. (except Agi-bulk customer).

- 3.2.12.** KHÁCH HÀNG không được thuê lại chủ thể khác để thực hiện chuyển nhượng toàn bộ hoặc bất kỳ nội dung nào của hợp đồng, hoặc bất kỳ yêu cầu thanh toán nào, khoản nào của KHÁCH HÀNG còn nợ CICT theo hợp đồng nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của CICT đối với việc chuyển nhượng hoặc thuê lại đó. Chấp thuận nêu trên phải được ký nhận bởi đại diện có thẩm quyền của CICT. Nếu CICT đưa ra chấp thuận bằng văn bản thì KHÁCH HÀNG cũng không được giải trừ bất cứ nghĩa vụ nào của mình theo hợp đồng. Mọi việc chuyển nhượng hoặc chuyển giao nghĩa vụ theo cách khác đều không có hiệu lực.

CUSTOMER may not sub-lease the other party to transfer all or any part of the agreement, or any CICT's payment request to CUSTOMER under the agreement without CICT's prior written approval of the transfer or lease. The above consent must be signed by authorized representatives of CICT. If CICT gives written approval, CUSTOMER shall not be discharged any of its obligations under the agreement. Any assignment or transfer of obligations in any other way is invalid.

- 3.2.13.** Sau khi kết thúc làm hàng mỗi tàu, chịu trách nhiệm vận chuyển toàn bộ lượng hàng rơi vãi trong quá trình làm hàng ra khỏi cảng khi nhận được thông báo từ CICT, toàn bộ quá trình nhận hàng này sẽ được giám sát và nghiệm thu bởi CICT. Sau 06 giờ kể từ khi nhận được thông báo từ CICT, nếu KHÁCH HÀNG vẫn chưa vận chuyển lượng hàng rơi vãi này ra khỏi cảng hoặc đã vận chuyển nhưng chưa được nghiệm thu bởi CICT, CICT sẽ chủ động thu dọn và KHÁCH HÀNG sẽ phải chịu chi phí phát sinh là 10.000.000 VNĐ/tàu – Chưa bao gồm VAT.

Following the completion of loading each vessel, CUSTOMERS shall be responsible for transporting all spilled cargo out of the port upon receipt of CICT's notice. The implementation will be supervised and accepted by CICT. After 6 hours since receiving the notice from CICT, if CUSTOMER has not yet transported this cargo out of the port or has been transported, but CICT has not accepted the result, CICT will actively clean up the spilled goods, and CUSTOMER shall pay for CICT the arising fee of VND 10,000,000 VND/vessel - not including VAT.

- 3.2.14.** Trường hợp KHÁCH HÀNG thông báo yêu cầu CICT phát hành hóa đơn tài chính cho bên thứ 3, KHÁCH HÀNG có trách nhiệm cung cấp cho CICT bằng chứng chứng minh KHÁCH HÀNG được ủy quyền của bên thứ 3 để thực hiện các tác nghiệp tại CICT và ký kết các chứng từ hợp lý hợp lệ với CICT để làm cơ sở thanh toán.

In case CUSTOMER notifies CICT to issue financial invoices to a 3rd party, CUSTOMER is responsible for providing CICT with proof that the CUSTOMER is authorized by the 3rd party to perform operations at CICT and sign reasonable and valid documents with CICT as a basis for payment.

- 3.2.15.** Sau khi tàu cập cầu và trong vòng 2 giờ sau khi hoàn thiện thủ tục kiểm dịch và đo mớn nước mà vẫn chưa làm được hàng do KHÁCH HÀNG chưa hoàn thiện các thủ tục liên quan thì KHÁCH HÀNG phải chịu khoản phí chờ đợi làm hàng 10.000.000 VND/giờ (chưa gồm VAT) tính từ thời điểm tàu cập cầu và trong tình trạng đã sẵn sàng làm hàng. Trong trường hợp xảy ra với nhiều hơn một chủ hàng, phí chờ đợi làm hàng sẽ được chia đều theo tỷ lệ trên vận đơn.

After vessel berthed and within 2 hours after finishing inspection and draft survey, if vessel operation can not commence discharging because CUSTOMER has not completed the relevant procedures, CUSTOMER must pay the waiting fee of VND 10,000,000/hour (VAT excluded) calculated from the

time of vessel's readiness for discharge. In case the issue occurs of more than one owner, the charge for waiting shall be divided equally according to bill of lading's ratio.

- 3.2.16.** Trường hợp tàu của KHÁCH HÀNG đã nhận lệnh rời cảng mà vẫn chiếm cầu bến thì sẽ phải trả phí là 0,0060 USD/GT/giờ đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế và 15 VND/GT/giờ đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa (chưa bao gồm VAT).

In case a CUSTOMER's vessel has received the order to leave the port but still occupies berth, a fee of 0.0060 USD/GT/hour will be charged for international vessels and 15 VND/GT/hour for domestic vessels (exclusive of VAT).

- 3.2.17.** Bằng kinh phí của mình luôn tuân thủ các quy định và pháp luật hiện hành cũng như trong tương lai của Việt Nam về Lao động, An ninh, Môi trường, Hải quan, Thuế áp dụng đối với các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này.

At its own expense, CUSTOMER always complies with Vietnam's current and future regulations and laws of Labor, Security, Environment, Customs, and Taxes applicable to the obligations under this agreement.

B. Trách nhiệm riêng theo từng loại mặt hàng/Responsibility for each type of cargo

***) Hàng nông sản/Agri-bulk**

- 3.2.18.** Đảm bảo phương tiện nhận hàng liên tục 24/24 giờ khi hàng đã về Cảng và đảm bảo nhận đủ định mức phân bổ đều trong từng ngày tàu, từng ca, từng giờ... làm hàng của CICT. Trường hợp không bố trí đủ phương tiện nhận hàng CICT sẽ đưa hàng vào kho, mọi chi phí phát sinh liên quan sẽ do KHÁCH HÀNG chịu trách nhiệm thanh toán theo biểu cước dịch vụ đính kèm hợp đồng hoặc theo biểu cước hiện hành của CICT.

Ensuring the transportation to receiving cargo continuously 24/24 when vessel has berthed and ensuring to receive adequate norms evenly distributed in each shipment, shift, hour...of CICT. In case, CUSTOMER does not arrange means of transport sufficiently, CICT shall put cargo into the warehouse, all other related expenses will be borne by CUSTOMER in the Tariff which is attached in this agreement or according to the current CICT public tariff.

- 3.2.19.** Trước mỗi ca làm hàng 03 giờ, KHÁCH HÀNG phải thông báo cho CICT kế hoạch số lượng phương tiện nhận hàng của ca tiếp theo để CICT lập kế hoạch bố trí phương tiện, nhân lực xếp dỡ hàng. Nếu trong ca CICT không nhận được thông báo kế hoạch của KHÁCH HÀNG thì CICT coi như ca đó KHÁCH HÀNG không có phương tiện nhận hàng và CICT miễn trách trong trường hợp KHÁCH HÀNG đến trong ca đó mà không nhận được hàng.

3 hours before each shift, CUSTOMER must notify CICT plan for next shift so that CICT can arrange plan for discharging. If not receiving notification of CUSTOMER, CICT will consider that CUSTOMER has no plan of receiving cargo for the next shift and free from responsibility in case CUSTOMER's vehicles arrive and can not receive cargo during that shift.

- 3.2.20.** Chịu các chi phí phát sinh theo tỷ lệ vận đơn liên quan đến việc tạm dừng làm hàng tại tàu, chuyển tải và theo tỷ lệ lượng hàng lưu kho liên quan đến việc tạm dừng giao hàng trong kho, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc do lỗi của CICT.

To be liable for the derived costs according to the bill of lading's ratio due to suspension of stevedoring, lightening and cargo storage's rate due to suspension of delivering cargo to warehouse, except for force majeure or fault of CICT.

- 3.2.21.** Trong quá trình làm hàng, nếu KHÁCH HÀNG yêu cầu CICT dừng làm hàng do nhận thấy hàng hóa có dấu hiệu tổn thất, hư hỏng, CICT có quyền tiếp tục tiến hành bốc xếp hàng cho các chủ hàng khác và sẽ dừng làm hàng khi tất cả các chủ hàng thông báo từ chối nhận hàng. Trong vòng 06 giờ kể từ thời điểm CICT dừng làm hàng theo yêu cầu của KHÁCH HÀNG mà KHÁCH HÀNG không đưa ra được cơ sở chứng minh hàng hóa tổn thất thì CICT coi như đó là hàng sạch, bình thường, việc phân chia hàng vẫn tiếp tục theo quy định và CICT miễn trách đối với các chi phí phát sinh và có quyền:

During operation, if CUSTOMER requests CICT to stop stevedoring due to the notice of cargo shortage or damage, CICT shall be entitled to continue stevedoring for other receivers and stop working when all receivers refuse to receive cargo. Within 6 hours from the time CICT stops working on the request of CUSTOMER, if CUSTOMER fails to show the basis to prove the loss of cargo, CICT shall consider cargo to be normal, cargo shall continually be divided in accordance with regulations and CICT shall have the right and exoneration:

- *Đưa hàng do KHÁCH HÀNG từ chối nhận vào kho (trong trường hợp CICT bố trí được kho) và/hoặc/Deliver cargo which is refused by CUSTOMER to warehouse (in case CICT can arrange the warehouse) and/or;*
- *Việc KHÁCH HÀNG không nhận hàng dẫn đến chậm ngày tàu thì KHÁCH HÀNG hoàn toàn chịu trách nhiệm. Khi đó, KHÁCH HÀNG sẽ phải trả cho CICT 10.000.000 VND/giờ tàu chậm giải phóng (chưa bao gồm VAT) theo kế hoạch mà CICT đã thông báo trên cơ sở năng suất giải phóng tàu trước khi làm hàng. Trường hợp có nhiều hơn một bên chủ hàng yêu cầu dừng làm hàng, phí tàu chậm giải phóng này sẽ được chia theo tỷ lệ vận đơn.*

CUSTOMER shall be fully responsible if CUSTOMER fails to meet discharge rate leading to delayed laytime, CUSTOMER must pay VND 10,000,000/delayed hour as CICT's Notice to Perform Discharging (VAT excluded). In case more than one receiver request to stop operation, this charge shall be divided equally according to the bill of lading's ratio.

- 3.2.22.** *Nhận hàng tổn thất được chia theo tỷ lệ khối lượng hàng của mỗi vận đơn trên tổng khối lượng hàng toàn tàu. Trường hợp KHÁCH HÀNG đã nhận đủ lượng hàng theo vận đơn mà CICT mới phát hiện có hàng tổn thất thì KHÁCH HÀNG vẫn phải nhận lượng hàng tổn thất được chia theo tỷ lệ vận đơn và phải trả lại lượng hàng sạch đã nhận thừa để CICT giao lại theo tỷ lệ vận đơn cho các chủ hàng còn lại.*

Receiving the damaged cargo divided equally according to the bill of lading's ratio. In case CICT notifies the cargo shortage after CUSTOMER has received the full amount of cargo under the bill of lading, CUSTOMER must still receive the cargo shortage distributed according to the bill of lading's ratio; and return the amount of normal cargo have been surrendered to CICT to re-distribute to other Receivers based on the proportion of bills of lading.

***) Dăm gỗ/Woodchip:**

- 3.2.23.** *Trường hợp sau 02 tháng mà KHÁCH HÀNG không có bất cứ hoạt động xuất/nhập nào tại khu vực lưu bãi dăm gỗ, CICT có quyền yêu cầu KHÁCH HÀNG di chuyển lượng dăm gỗ này ra khỏi cảng. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản/email từ CICT về việc di dời hàng ra khỏi bãi, KHÁCH HÀNG phải có trách nhiệm di dời toàn bộ số lượng hàng lưu bãi ra khỏi cảng. Nếu sau 30 ngày mà KHÁCH HÀNG vẫn chưa di dời hết lượng hàng trên bãi cảng, CICT sẽ chủ động thực hiện và KHÁCH HÀNG sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc di dời này.*

In case after 2 months CUSTOMER does not have any import/export activities at the woodchip yard, CICT has the right to request CUSTOMER to move this quantity of woodchip out of port. Within 30 days from the date of receiving the written/email notice from CICT about the removal of goods, CUSTOMER is responsible for removing the entire amount of stored goods out of port. After 30 days, if CUSTOMER still has not moved all the goods out of port, CICT will process moving, and all costs incurred shall be charged to CUSTOMER's account.

- 3.2.24.** *Chịu trách nhiệm di chuyển, vận hành băng tải, bố trí người xi nhan cho xe lên cầu, bốc xúc dăm gỗ rơi vãi trên cầu tàu trở lại băng tải trong quá trình làm hàng đối với trường hợp hàng xuất tàu sử dụng băng tải do KHÁCH HÀNG tự cung cấp.*

Be responsible for moving, operating conveyor, arranging personnel to give the signal for vehicles, tidying up woodchips scattering on the wharf during loading woodchips using CUSTOMER's conveyor.

- 3.2.25.** Chịu trách nhiệm đảm bảo hàng hóa lưu bãi, vận chuyển đến CICT không gây ô nhiễm môi trường. Trong trường hợp vi phạm, khách hàng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và các cơ quan chức năng.

Be responsible for ensuring that goods stored or transported to CICT do not cause environmental pollution. In the event of a violation, the customer shall be liable to the law and the competent authorities.

- 3.2.26.** Chịu trách nhiệm đối với thiết bị, phương tiện tự mang vào cảng. Trong trường hợp xảy ra sự cố trong quá trình vận hành, gây ô nhiễm môi trường, khách hàng chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Be responsible for any equipment or vehicles that it brings into the port. In the event of an accident during operation that causes environmental pollution, the customer shall be liable for compensation for damages.

- 3.2.27.** Khách hàng có trách nhiệm xử lý rác thải phát sinh trong quá trình lưu bãi, vận chuyển hàng hóa tại CICT. Rác thải phải được xử lý đúng quy định của pháp luật và phải được đưa ra khỏi cảng trong vòng 7 ngày kể từ khi phát sinh.

Be responsible for the proper disposal of waste generated during the storage or transportation of goods at CICT. Waste must be disposed of in accordance with applicable laws and regulations and must be removed from the port within 7 days of its generation.

***) Viên gỗ nén/Woodpellet cargo**

- 3.2.28.** Chịu trách nhiệm về tình trạng đóng bao của hàng hóa được đóng trong bao jumbo, bao gồm nhưng không giới hạn: chất lượng, tình trạng bao; quy cách đóng gói...

To be responsible for the packing condition of jumbo bags, including but not limited to quality, condition of bags; packing...

- 3.2.29.** Chịu trách nhiệm di chuyển, vận hành băng tải, bố trí người xi nhan cho xe lên cầu, bốc xúc viên gỗ nén rơi vãi trên cầu tàu trở lại băng tải trong quá trình làm hàng đối với trường hợp hàng xuất tàu sử dụng băng tải do KHÁCH HÀNG tự cung cấp.

Be responsible for moving, operating conveyor, arranging personnel to give the signal for vehicles, tidying up wood pellet scattering on the wharf during loading woodchips using CUSTOMER's conveyor.

Điều 4. Quy định chung về thiết bị làm hàng tại CICT/General provisions on equipment at CICT.

Quy định về thứ tự ưu tiên sử dụng thiết bị phục vụ làm hàng tại CICT như sau:

The regulations on the priority level of using equipment for handling cargoes at CICT are as follows:

- 4.1.** Thiết bị CICT/CICT's equipment.

- 4.2.** Thiết bị KHÁCH HÀNG cung cấp. Các thiết bị này phải đảm bảo tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật khi nâng hạ cũng như vận hành (theo tiêu chuẩn quy định bởi CICT).

CUSTOMER's equipment must ensure CICT technical safety standards in handling cargo process

Điều 5. Đăng ký làm hàng, cập nhật thông tin/Registration and update information

- 5.1.** Đăng ký làm hàng qua cổng thông tin Portal CICT (áp dụng cho khách hàng Nông sản): CICT cung cấp cho KHÁCH HÀNG tên đăng nhập và mật khẩu qua e-mail/fax. KHÁCH HÀNG phải chịu trách nhiệm về tính bảo mật của tên đăng nhập và mật khẩu. Mọi hoạt động phát sinh từ tài khoản CICT cung cấp cho KHÁCH HÀNG sẽ được coi là hoạt động chính thức từ phía KHÁCH HÀNG. CICT không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào phát sinh từ việc KHÁCH HÀNG không đảm bảo được tính bảo mật của tài khoản đã được CICT cung cấp.

Registration on CICT Portal (applied for Agri-bulk customer): CICT provides CUSTOMER username and password via e-mail/fax. CUSTOMER is responsible for the security of the username and password. Any activity arising from account which CICT provided to CUSTOMER will be considered an official activity from CUSTOMER. CICT is not responsible for any loss or damage arising because CUSTOMER failure to

guarantee the security of provided account.

- 5.2.** Trường hợp có sự thay đổi về những thông tin như: Người đại diện được chỉ định, trụ sở làm việc, người đại diện theo pháp luật... hoặc bất cứ sự thay đổi nào khác có ảnh hưởng tới việc thực hiện hợp đồng này thì bên có thay đổi có trách nhiệm thông báo bằng văn bản/fax/email cho bên còn lại sớm nhất có thể kể từ khi phát sinh sự thay đổi.

If there is adjustment of information such as: appointed representative, address, legal representative or others that might affect contract implementation, the changed party is responsible for notifying in writing/fax /email to the other party as soon as reasonably practicable after this change arose.

Điều 6. Bất khả kháng/Force majeure event.

- 6.1.** Sự kiện bất khả kháng là sự kiện không lường trước được và nằm ngoài sự kiểm soát hợp lý của các bên, bao gồm nhưng không giới hạn ở các tai họa thiên nhiên như động đất, sóng thần, lũ, lụt; các sự kiện chính trị như chiến tranh, phong toả hoặc cấm vận, chiếm đóng, nội chiến, nổi loạn, phá hoại hay rối loạn xã hội, đình công, hay náo động lao động khác hoặc bất kỳ việc công bố, ban hành, thay đổi văn bản pháp luật, chính sách của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; dịch bệnh hay bất cứ những sự kiện không thể lường trước hoặc không thể tránh khỏi.

Force majeure event means an extraordinary, unforeseeable event which is beyond the control of the parties on the signing date of Service Agreement, including but not limited to the following events: earthquake, tsunami, flood; political events such as war, blockade, embargo, occupation, civil war, rebellion, vandalism, social disorder, strike, labour dispute or any requirements or regulations of competent authorities in any country or territory or other unavoidable reasons.

- 6.2.** Các bên thoả thuận rằng, với nỗ lực cao nhất, bên bị ảnh hưởng sẽ tiến hành các biện pháp phù hợp để ngăn chặn hoặc khắc phục hậu quả của sự kiện bất khả kháng.

The parties agree that the affected party will take appropriate solutions to prevent or remedy the consequences of force majeure events with all efforts.

- 6.3.** Không bên nào bị coi là vi phạm hợp đồng hoặc phải chịu trách nhiệm trước bên kia do sự chậm trễ trong việc thực hiện hợp đồng hoặc không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của hợp đồng do sự kiện bất khả kháng gây ra, với các điều kiện là:

Neither party shall be held responsible for any delay or failure in performance of any part of Service Agreement caused by force majeure events in conditions below:

- 6.3.1.** Sự kiện bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp và gần nhất làm cho bên đó bị cản trở hoặc chậm trễ trong việc thực hiện hợp đồng.

Force majeure events are the most immediate and direct causes which cause the party to be hindered or delayed in agreement performance.

- 6.3.2.** Bên bị ảnh hưởng thông báo cho bên kia biết về việc xảy ra sự kiện bất khả kháng đó trong thời hạn 48 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, trong đó trình bày rõ các chi tiết của sự kiện bất khả kháng đã ngăn cản bên đó thực hiện hợp đồng và nêu các biện pháp khắc phục mà bên đó đã, đang và sẽ thực hiện.

The affected party shall notify the other party of the force majeure event within 48 hours since it started to happen; state clearly the details of the force majeure event which has prevented that party from performing the agreement and stating the remedies it has been taking and will take.

- 6.3.3.** Nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng chỉ được giải phóng trong khoảng thời gian của sự kiện bất khả kháng và trong chừng mực sự kiện bất khả kháng cản trở việc thực hiện các nghĩa vụ của bên đó, với điều kiện là các biện pháp ngăn ngừa hợp lý đã được bên đó thực hiện nhưng không đạt kết quả.

The parties' obligations are only released during the time of force majeure event and insofar as the force majeure event hinders the performance of that party's obligations, provided that reasonable preventive measures have been taken but to no avail.

- 6.4.** Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài hơn 45 ngày, các bên sẽ thỏa thuận việc sửa đổi hoặc chấm dứt toàn

bộ hoặc một phần của hợp đồng.

If the force majeure event lasts longer than 45 days, the parties will agree to amend or terminate all or parts of the agreement.

Điều 7. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp/Dispute and solutions

7.1. Hợp đồng chịu sự điều chỉnh của luật pháp Việt Nam hiện hành.

Service agreement is governed in accordance with the Laws of the Socialist Republic of Vietnam.

7.2. Các bên cam kết sẽ thông báo cho nhau kịp thời mọi vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng và sẽ cùng nhau giải quyết các tranh chấp phát sinh bằng thương lượng, hòa giải trên tinh thần hợp tác, thiện chí.

Both parties commit to notify each other about agreement implementation progress. During implementation, the Parties shall negotiate to solve the conflict in an amicable and reasonable manner.

7.3. Trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày một bên đưa ra thông báo yêu cầu giải quyết tranh chấp mà không thể giải quyết được thông qua thương lượng, hòa giải, thì tranh chấp đó sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền. Quyết định của tòa án là quyết định cuối cùng ràng buộc đối với các bên. Các chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp (lệ phí, án phí tòa án, chi phí thuê luật sư và các chi phí khác phát sinh) sẽ do tòa án quyết định.

If an amicable solution cannot be reached within sixty (60) Business Days of receipt of the Dispute Notice, the Parties hereby agree to refer the Dispute to the competent People's court for a solution. The decision of the court is final and binding on the parties. The costs of the dispute resolution (fees, court costs, attorneys' fees and other costs incurred) will be borne by the party as decided by the Court.

7.4. Trong quá trình giải quyết tranh chấp nêu trên, các bên có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng nếu như không có thỏa thuận nào khác của các bên về tạm dừng hoặc chấm dứt hợp đồng.

During the above dispute resolution process, the parties are obliged to continue the agreement performance unless otherwise agreed by the parties to suspend or terminate the agreement.

Điều 8. Điều khoản phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại/Penalty and Compensation

8.1. Trường hợp một trong hai bên, do lỗi của mình, không thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại hợp đồng thì bên vi phạm phải chịu một khoản tiền phạt bằng 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

In case either party, due to its fault, fails to perform the responsibilities prescribed in Service Agreement, the violating party shall be fined a penalty equivalent to 8% of total amount of the violated obligation of agreement.

8.2. Bên nào vi phạm các trách nhiệm theo quy định tại hợp đồng mà gây thiệt hại cho bên còn lại thì phải bồi thường tương ứng với thiệt hại xảy ra. Bên bị vi phạm có nghĩa vụ chứng minh thiệt hại của mình.

Any party violates the obligations prescribed in the agreement and causes damage to the other party must pay compensation corresponding to the occurred damage. The violated party is obliged to prove its damage.

Điều 9. Trách nhiệm bảo mật/Confidentiality

Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của một trong hai bên, bên còn lại không được tiết lộ hợp đồng hoặc bất kỳ một văn bản, tài liệu nào về tính chất, nội dung, cũng như thông tin được cung cấp trong quá trình thực hiện hợp đồng cho một bên thứ ba bất kỳ; trừ trường hợp buộc phải cung cấp theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật (bao gồm Hiệp hội Logistics và xuất nhập khẩu Quảng Ninh) và/hoặc cung cấp thông tin cho đơn vị tư vấn, đơn vị đại diện của mình và yêu cầu bên nhận thông tin phải cam kết trách nhiệm bảo mật tương tự.

Without a prior written consent of either party, the other party shall not disclose the agreement or any documents of nature, content, as well as information within the duration of Service Agreement for any 3rd party; except when required to do at the request of competent agencies, organizations or individuals or as prescribed by law and/or providing information to their affiliates (including Quang Ninh Logistics and Import-Export Association), advisory and representative units and requires the recipient to undertake

similar confidentiality responsibilities.

Điều 10. Chống hối lộ và tham nhũng, xử phạt/Anti-Corruption, Anti-Bribery, Sanctions

10.1. Chống hối lộ và tham nhũng/Anti-Corruption, Anti-Bribery.

- 10.1.1.** “Luật Chống Tham nhũng” có nghĩa là Đạo luật Chống Tham nhũng ở Nước ngoài của Hoa Kỳ (“FCPA”) và bất kỳ luật và quy định chống hối lộ và chống tham nhũng hiện hành nào khác, bao gồm nhưng không giới hạn ở bất kỳ luật nào nhằm thực hiện Công ước của OECD về Chống Hối lộ Công chức Nước ngoài trong các Giao dịch Kinh doanh Quốc tế, được ký kết tại Paris vào ngày 17 tháng 12 năm 1997 (“Công ước OECD”).

“Anti-Corruption Laws” means the U.S. Foreign Corrupt Practices Act (“FCPA”) and any other applicable anti-bribery and anti-corruption laws and regulations, including, without limitation, any laws intended to implement the OECD Convention on Combating Bribery of Foreign Public Officials in International Business Transactions, signed in Paris on December 17, 1997 (the “OECD Convention”).

- 10.1.2.** Mỗi bên đảm bảo, cam kết và đồng ý rằng các bên biết tất cả các Luật Chống Tham nhũng hiện hành và mỗi bên cũng như bất kỳ viên chức, giám đốc, nhân viên, đại lý, nhà thầu, người được chỉ định, chủ sở hữu hoặc cổ đông hưởng lợi cuối cùng nào, cũng như bất kỳ bên nào khác đại diện cho mình (gọi chung là “Người đại diện”), sẽ không trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện bất kỳ hành động nào cấu thành hành vi vi phạm Luật Chống Tham nhũng đối với bất kỳ hoạt động nào liên quan đến bất kỳ hoạt động kinh doanh nào cho KHÁCH HÀNG hoặc CICT.

Each party warrants, covenants and agrees that it has knowledge of all applicable Anti-Corruption Laws and that neither it nor any of its officers, directors, employees, agents, contractors, designees, ultimate beneficial owners or shareholders, nor any other party acting on its behalf (collectively, “Representatives”), will directly or indirectly take any action that would constitute a violation of the Anti-Corruption Laws with respect to any activities related to any business for CUSTOMER or CICT.

- 10.1.3.** Đối với bất kỳ giao dịch nào được thực hiện liên quan đến Thỏa thuận này, mỗi bên bảo đảm, đại diện, cam kết và đồng ý rằng họ sẽ duy trì sổ sách, hồ sơ và tài khoản phù hợp và chính xác phản ánh chính xác và công bằng bất kỳ và tất cả các khoản thanh toán đã thực hiện, chi phí phát sinh và tài sản bị thanh lý, đã và sẽ duy trì một hệ thống kiểm soát kế toán nội bộ để đảm bảo việc cấp phép, ghi chép và báo cáo tất cả các giao dịch một cách thích hợp và để cung cấp các đảm bảo hợp lý rằng các hành vi vi phạm Luật Chống Tham nhũng sẽ được ngăn chặn, phát hiện và ngăn chặn.

With respect to any transaction effected in connection with this Agreement, each party warrants, represents, covenants and agrees that it will maintain proper and accurate books, records and accounts that accurately and fairly reflect any and all payments made, expenses incurred and assets disposed of, and has and will maintain an internal accounting controls system to ensure the proper authorization, recording and reporting of all transactions and to provide reasonable assurances that violations of the Anti-Corruption Laws will be prevented, detected and deterred.

- 10.1.4.** Mỗi bên tuyên bố và bảo đảm rằng tất cả các tuyên bố, bảo đảm và giao ước được quy định trong Chống Tham nhũng này; Điều khoản Chống hối lộ là trung thực và chính xác. Mỗi bên sẽ thông báo cho bên kia bằng văn bản ngay khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào có thể khiến cho các tuyên bố, bảo đảm hoặc giao ước trong tài liệu này không chính xác.

Each party represents and warrants that all representations, warranties and covenants set forth in this Anti-Corruption; Anti-Bribery clause are truthful and accurate. Each party shall notify the other party in writing immediately upon the occurrence of any event which would render the representations, warranties or covenants contained herein incorrect.

- 10.1.5.** Nếu, với thiện ý, CICT tin rằng bất kỳ hành động nào theo Thỏa thuận này có thể sẽ dẫn đến vi phạm Luật Chống Tham nhũng, thì việc không thực hiện sẽ được miễn trừ và Thỏa thuận này có thể bị chấm dứt theo lựa chọn của CICT.

If, in good faith, CICT believes that any action under this Agreement will likely cause a violation of the Anti-Corruption Laws, nonperformance shall be excused and this Agreement may be terminated at CICT's option.

- 10.1.6.** Mỗi bên đồng ý rằng họ sẽ bồi thường và giữ cho bên kia không bị tổn hại trước mọi khiếu nại, vụ kiện, điều tra, hình phạt và tiền phạt dưới bất kỳ hình thức nào do vi phạm Quy định Chống Tham nhũng này; Điều khoản chống hối lộ. Điều khoản này sẽ tồn tại bất kỳ sự chấm dứt nào của Thỏa thuận.

Each party agrees that it shall indemnify and hold the other party harmless from any claims, suits, investigations, penalties and fines of any kind resulting from a breach of this Anti-Corruption; Anti-Bribery clause. This provision shall survive any termination of the Agreement.

10.2. Xử phạt/Sanctions

Mỗi bên bảo đảm, đại diện, giao ước và đồng ý rằng họ sẽ luôn tuân thủ tất cả các luật, quy tắc, quy định, nghị định và lệnh cấm hiện hành dưới bất kỳ hình thức nào liên quan đến (a) việc bán, xuất khẩu hoặc chuyển nhượng các mặt hàng hoặc (b) đến các giao dịch dưới bất kỳ hình thức nào với các quốc gia hoặc vùng lãnh thổ bị hạn chế hoặc cấm vận, những người bị hạn chế hoặc bị cấm hoặc các thực thể bị hạn chế hoặc bị cấm (gọi chung là “Các mục tiêu bị cấm vận”), bao gồm nhưng không giới hạn ở Hoa Kỳ, Thụy Sĩ, Vương quốc Anh và Liên minh Châu Âu hoặc các quốc gia thành viên của nó ((a) và (b) cùng nhau, “Luật trừng phạt”). Mỗi bên bảo đảm, đại diện và cam kết rằng (c) họ không có trụ sở, tổ chức trực thuộc, thường trú tại hoặc hành động thay mặt cho một Mục tiêu bị cấm vận và (d) rằng họ không phải là Mục tiêu bị cấm vận và không thuộc sở hữu hoặc kiểm soát của một Mục tiêu bị cấm vận Mục tiêu, như được định nghĩa một cách rõ ràng hoặc thực chất, bởi Luật Xử phạt. Mỗi bên bảo đảm, tuyên bố và cam kết rằng họ không biết lý do tại sao mình nên được nêu tên trong bất kỳ danh sách nào xác định các Mục tiêu bị Cấm vận được duy trì bởi các cơ quan thực thi của, nhưng không giới hạn, Hoa Kỳ, Thụy Sĩ hoặc Liên minh Châu Âu hoặc các quốc gia thành viên của họ (cùng , “Danh sách”), do đó, các Danh sách này có thể được sửa đổi theo thời gian. Mỗi bên đồng ý rằng họ sẽ không (e) bán, trực tiếp hoặc gián tiếp, bán lại hoặc giao bất kỳ hàng hóa, phần mềm hoặc công nghệ nào cho Mục tiêu bị cấm vận, (f) vận chuyển bất kỳ mặt hàng nào như vậy trên bất kỳ tàu hoặc hãng vận chuyển nào khác được sở hữu, vận hành, gắn cờ hoặc được thuê bởi một Mục tiêu bị cấm vận hoặc (g) môi giới, tài trợ hoặc tạo điều kiện thuận lợi cho bất kỳ hoạt động bán hoặc bán lại bất kỳ mặt hàng hoặc giao dịch nào có thể gây ra vi phạm bất kỳ Luật trừng phạt nào. Mỗi bên đồng ý rằng họ sẽ cung cấp ngay lập tức cho bên kia tất cả thông tin, bao gồm nhưng không giới hạn ở thông tin liên quan đến khách hàng cuối, quá cảnh và điểm đến cuối cùng, vận chuyển và mục đích sử dụng cuối dự kiến, để cho phép đánh giá việc tuân thủ Luật trừng phạt. Nếu, với thiện chí, CICT tin rằng bất kỳ hành động nào theo Thỏa thuận này có thể sẽ dẫn đến vi phạm Luật trừng phạt, thì việc không thực hiện sẽ được miễn trừ và Thỏa thuận này có thể bị chấm dứt theo lựa chọn của CICT.

Each party warrants, represents, covenants and agrees that it will comply at all times with all applicable laws, rules, regulations, decrees and prohibitions of whatsoever nature relating (a) to the sale, export or transfer of items or (b) to transactions of any kind with restricted or embargoed countries or territories, restricted or blocked persons or restricted or blocked entities (together, “Embargoed Targets”), including, without limitation, those of the United States, Switzerland, the United Kingdom and the European Union or its member states ((a) and (b) together, the “Sanctions Laws”). Each party warrants, represents and covenants that (c) it is not located, organized under, ordinarily resident in or acting on behalf of an Embargoed Target and (d) that it is not an Embargoed Target and is not owned or controlled by an Embargoed Target, as defined either expressly or substantively, by the Sanctions Laws. Each party warrants, represents and covenants that it is not aware of any reason why it should be named on any list identifying Embargoed Targets maintained by implementing authorities of, without limitation, the United States, Switzerland or the European Union or member states thereof (together, “Lists”), as such Lists may

be amended from time to time. Each party agrees that it shall not (e) sell, directly or indirectly, resell or deliver any good, software or technology to an Embargoed Target, (f) transport any such item on any vessel or other carrier that is owned, operated, flagged or chartered by an Embargoed Target or (g) broker, finance or otherwise facilitate any sale or resale of any such item or transaction that would cause a violation of any Sanctions Law. Each party agrees that it will provide immediately to the other party all information, including, without limitation, information concerning end customer, transit and final destination, shipping and intended end-use, to enable an assessment of compliance with the Sanctions Laws. If, in good faith, CICT believes that any action under this Agreement will likely cause a violation of the Sanctions Laws, nonperformance shall be excused and this Agreement may be terminated at CICT's option.

Điều 11. Chấm dứt hợp đồng/Termination

11.1. Hợp đồng sẽ chấm dứt hiệu lực khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

Service Agreement may be terminated at any time on the occurrence of any of the following events:

11.1.1. Các bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng.

The parties mutually agree to terminate the agreement.

11.1.2. Hợp đồng chấm dứt vì lý do bất khả kháng.

The agreement terminates due to force majeure circumstances.

11.1.3. Một trong các bên đơn phương chấm dứt hợp đồng bằng một thông báo trong các trường hợp sau:

Either of the parties has the right to terminate Service Agreement after giving written notice in the following cases:

- Một trong các bên vi phạm nghiêm trọng các quy định của hợp đồng. Vi phạm được coi là nghiêm trọng khi: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản chỉ ra các vi phạm mà bên vi phạm không khắc phục, sửa chữa.

One of the parties critically violates the agreement provisions. Violations are considered critical: within 30 days from the date of receiving the notice specifying the breach that the violating party has not corrected or required the remedy.

- Một trong các bên bị phá sản, mất khả năng thanh toán, giải thể, sáp nhập hoặc một tình trạng pháp lý tương tự.

One of the parties enters into bankruptcy, inability to pay, dissolution, merger or similar legal status.

11.2. Để tránh nhầm lẫn, các bên đồng ý rằng việc một bên đơn phương chấm dứt hợp đồng sẽ không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc yêu cầu bồi thường thiệt hại phát sinh trong thời gian hiệu lực hợp đồng.

To avoid confusion, the parties agree that a party's unilateral termination of Service Agreement will not change the rights and obligations of the parties in claiming damages incurred during the validity of the agreement.

Điều 12. Điều khoản và cam kết chung/General terms and commitments

12.1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản ghi trong hợp đồng.

Both parties commit to strictly implement all terms and conditions in the agreement.

12.2. Hai bên cam kết tôn trọng mọi điều khoản của hợp đồng. Bất cứ sửa đổi bổ sung nào vào nội dung hợp đồng phải được sự đồng ý của cả hai bên và các sửa đổi bổ sung này sẽ được quy định trong (các) phụ lục hợp đồng để được thực thi sau đó.

Both parties commit to respect all terms and conditions in the agreement. Any adjustment or addition to the agreement's content should be agreed by both parties and such adjustment and addition shall be specified in agreement appendix (es) for subsequent implementation.

12.3. Tất cả các dịch vụ và giao dịch không được đề cập trong hợp đồng lệ thuộc vào điều khoản và điều kiện kinh doanh tiêu chuẩn của CICT.

All services and transactions not mentioned in Service Agreement shall be subjected to standard business regulations and conditions of CICT.

- 12.4.** Mọi vấn đề không được quy định tại hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam. Trường hợp một hoặc một số điều khoản của hợp đồng bị vô hiệu theo quy định của pháp luật, các điều khoản còn lại vẫn có hiệu lực thi hành.

Any issues not covered by Service Agreement and General Terms and Conditions shall be governed by the laws of Vietnam. In case one or some of the terms of Service Agreement and General Terms and Conditions are invalidated by law, the remaining provisions are still effective.

- 12.5.** Trong trường hợp có bất kì sự khác biệt hoặc không nhất quán giữa hợp đồng riêng của từng khách hàng và điều khoản chung, các nội dung quy định trên hợp đồng sẽ được ưu tiên áp dụng.

In case of any inconsistency or conflict between the specific terms of a customer's contract and these general terms, the terms in contract shall prevail.

- 12.6.** Các điều khoản chung được lập song ngữ bằng tiếng Anh và tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có bất kì sự khác biệt hoặc không nhất quán giữa tiếng Việt và tiếng Anh thì tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

The "General Terms and Conditions" are made in Vietnamese and English with the same validity. In case of any inconsistency or conflict between Vietnamese and English, the Vietnamese articles shall prevail.

CÔNG TY TNHH CẢNG CÔNG-TEN-NƠ QUỐC TẾ CÁI LÂN
CAI LAN INTERNATIONAL CONTAINER TERMINAL LLC




TỔNG GIÁM ĐỐC
Frank Van Pompaey



